

Đẩy mạnh phát triển hàng hóa phục vụ du lịch tại Quảng Bình

NGUYỄN THỊ MINH PHƯỢNG*
TRẦN XUÂN QUANG**

Nằm ở Bắc Trung Bộ, có nhiều tài nguyên thiên nhiên phong phú, nhiều điểm du lịch nổi tiếng, Quảng Bình có nhiều sản vật và sản phẩm truyền thống như: Khoai deo, mật ong, nước mắm, mực khô, bánh tráng, nón lá, rượu... Trong những năm qua, cùng với sự phát triển các tuyến du lịch, hàng hóa phục vụ du lịch của Tỉnh cũng có nhiều khởi sắc. Tuy nhiên, hiện nay công tác tổ chức sản xuất sản phẩm hàng hóa của Tỉnh còn theo hướng phong trào, tự phát, công nghệ máy móc còn thô sơ... Để thu hút ngày càng nhiều khách đến du lịch tại Quảng Bình, thì một trong những giải pháp là cần đẩy mạnh phát triển hàng hóa tại địa phương phục vụ du lịch.

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HÀNG HÓA PHỤC VỤ DU LỊCH

Quảng Bình có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch thăm quan, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch khám phá tự nhiên, du lịch mạo hiểm, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa - tâm linh... Những đặc trưng này đã tạo cho Quảng Bình có nhiều sản vật và sản phẩm truyền thống của địa phương, như: Khoai deo, mật ong, nước mắm, mực khô, bánh tráng, nón lá, rượu... Theo kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu tại 159 xã, phường và thị trấn tỉnh Quảng Bình về sản phẩm có nguồn gốc lợi thế địa phương từ tháng 07/2018 đến tháng 10/2019 cho thấy, nghiên cứu được thực hiện dựa vào chương trình "Một xã một sản phẩm" (OCOP). Mục tiêu của OCOP phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị, với các tiêu chí, gồm: chất lượng, chủ thể sản xuất, chất lượng xúc tiến quảng bá, dựa vào cộng đồng. Kết quả khảo sát cho thấy, toàn Tỉnh hiện nay có 201 sản phẩm theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị (Bảng 1).

BẢNG 1: SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM PHÂN THEO NHÓM

TT	Nhóm sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Tỷ lệ (%)
1	Thực phẩm	123	61,2
2	Đồ uống	18	9,5
3	Dược liệu	13	6,9
4	Vải và may mặc	0	0
5	Lưu niệm - nội thất - trang trí	28	14,8
6	Dịch vụ du lịch	19	10,1
Tổng cộng		201	100

Nguồn: Số liệu điều tra, khảo sát năm 2019 của nhóm nghiên cứu

* TS., Trường Đại học Vinh

** ThS., Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Số liệu khảo sát cho thấy, trong 201 sản phẩm sản xuất, chỉ có 23 sản phẩm có đăng ký công bố chất lượng, 16 sản phẩm có đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ. Quy mô sản xuất có nhiều cấp độ từ sản xuất lớn, đã được đăng ký chất lượng và đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, đến quy mô nhỏ lẻ, manh mún, chủ yếu sản xuất và kinh doanh, nhằm phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng trên địa bàn.

Về tiêu chí chất lượng, các sản phẩm đạt trên 60% số điểm của tiêu chí này. Có được kết quả này là do các chủ thể sản xuất đã chủ động đăng ký chất lượng sản phẩm, thuê các đối tác đánh giá chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn như VietGAP, được chứng nhận từ các cơ quan có thẩm quyền hoặc đạt tiêu chuẩn công nghiệp theo luật định...

Về chủ thể sản xuất, kết quả khảo sát cho thấy, toàn Tỉnh có 162 tổ chức và cá nhân đang sản xuất các sản phẩm thuộc ngành hàng có lợi thế địa phương, trong đó có 28 hợp tác xã, 15 doanh nghiệp tư nhân, 15 tổ hợp tác, 6 làng nghề kinh doanh và còn lại là các hộ sản xuất (Bảng 2).

Đối với tiêu chí khả năng tiếp thị, các sản phẩm chỉ đạt số điểm ở mức thấp, do chưa giới thiệu về sản phẩm, công tác tiếp thị sản phẩm chủ yếu mới thực hiện tại địa phương, chưa có biện pháp thâm nhập vào các thị trường trong và ngoài

nước, hệ thống phân phối nhỏ lẻ, chủ yếu dựa vào thương lái, các hoạt động quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại diễn ra chưa thường xuyên.

Về yếu tố cộng đồng, hầu hết các sản phẩm đều đáp ứng tiêu chí này. Nguyên nhân là do các sản phẩm đều sử dụng nguồn nguyên liệu thô từ địa phương; có bao bì, nhãn mác; được sản xuất theo mô hình sản xuất hợp tác xã hoặc tổ hợp tác và sử dụng nguồn lao động là người dân địa phương. Tuy nhiên, bao bì nhãn mác mới dừng ở mức có đầy đủ các yếu tố, chưa có sự sáng tạo, nét đặc trưng riêng biệt, chưa hiển thị các tiêu chuẩn và chưa phù hợp với tiêu chuẩn thương mại quốc tế.

Từ thực tiễn phân tích trên cho thấy, tỉnh Quảng Bình có số lượng sản phẩm sản xuất đa dạng và phong phú, nhưng số lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn sản phẩm của chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị còn thấp, những sản phẩm đạt tiêu chuẩn có mức điểm đạt theo các tiêu chí chưa cao, chưa có sản phẩm đạt tiêu chuẩn 5 sao. Các nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là:

Thứ nhất, công tác tổ chức sản xuất trên địa bàn Tỉnh còn theo hướng tự phát, phong trào, chưa nghiên cứu thị trường nên sản phẩm sản xuất ra không đáp ứng nhu cầu thị trường, hiệu quả sản xuất, kinh doanh thấp. Đối với các sản phẩm khai thác từ nguồn lợi tự nhiên, chưa quan tâm đến việc bảo tồn và phát triển nguồn cung ứng, nên không chủ động trong sản xuất, kinh doanh.

Thứ hai, sản phẩm sản xuất ra chủ yếu dưới dạng sản phẩm thô, chưa đầu tư gia tăng giá trị sản phẩm, chưa đầu tư nhiều về nhãn mác, quy cách đóng gói nên gặp nhiều khó khăn trong công tác bảo quản, xúc tiến bán hàng và tiêu thụ.

Thứ ba, công nghệ, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất còn thô sơ, đơn giản, quy trình sản xuất thủ công, nên sản phẩm chưa đảm bảo chất lượng, khả năng thâm nhập những thị trường khó tính thấp.

Thứ tư, nhiều sản phẩm sản xuất chưa đăng ký nhãn mác và bảo hộ nhãn hiệu; những sản phẩm có nhãn mác, thì in ấn sơ sài, bao bì không đảm bảo, dễ bị làm giả, làm nhái.

Thứ năm, chưa có sự hợp tác, liên kết chặt chẽ giữa các tác nhân trong hệ thống sản xuất kinh doanh; phân phối lợi

BẢNG 2: SỐ LƯỢNG CÁC CHỦ THỂ SẢN XUẤT THEO LOẠI HÌNH THUỘC NHÓM SẢN PHẨM LỢI THẾ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

TT	Loại hình	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Hợp tác xã	28	17,3
2	Tổ hợp tác	15	9,3
3	Doanh nghiệp tư nhân	15	9,3
4	Làng nghề kinh doanh	06	3,7
5	Hộ sản xuất - kinh doanh	98	60,4
Tổng		162	100

Nguồn: Số liệu điều tra, khảo sát của nhóm nghiên cứu

ích giữa các tác nhân trong chuỗi có sự chênh lệch, tác nhân chế biến và thương mại chịu rủi ro ít hơn so với tác nhân sản xuất, nhưng giá trị gia tăng bình quân lại cao hơn; sự cam kết giữa khâu sản xuất và tiêu thụ chưa cụ thể và không chặt chẽ, nên người sản xuất còn bị động trong khâu tiêu thụ và giá cả luôn biến động...

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN

Để giải quyết một cách cơ bản những vấn đề đang đặt ra hiện nay, chính quyền địa phương cần hỗ trợ và giúp đỡ người sản xuất thực hiện các giải pháp như sau:

Nhóm giải pháp thực thi quản lý đồng bộ sản phẩm

Một là, các sản phẩm cần "có nhãn hiệu". Hiện nay, tùy từng sản phẩm có thể lựa chọn hình thức xác lập nhãn hiệu thích hợp. Ví dụ: Bánh lọc Mẹ Xuân, Nước mắm Bảo Ninh, gạo Lệ Thủy... có thể xây dựng nhãn hiệu chứng nhận an toàn mang địa danh của mình. Nhãn hiệu chứng nhận này do UBND huyện, thành phố làm chủ sở hữu và trực tiếp quản lý. Quảng Bình nên tập trung xây dựng chỉ dẫn địa lý cho 1-2 sản phẩm đặc trưng của tỉnh, ví dụ như: Cam mật Hiền Ninh, mật ong Tuyên Hóa, Sâm Bố Chính...

Hai là, "có quản lý chất lượng". Hiện nay, rất nhiều nông sản hàng hóa của Quảng Bình đã có danh tiếng về chất lượng, nổi tiếng thơm ngon, hoặc có yếu tố độc đáo. Tuy nhiên, hầu như các sản phẩm đó đều chưa quan tâm đến chất lượng, đặc biệt là vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhiều nơi chính quyền đã chỉ một lượng lớn kinh phí để quy hoạch, đầu tư hạ tầng, hỗ trợ giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, kỹ thuật, nhưng lại quên yếu tố vệ sinh an toàn thực phẩm. Vì vậy, có những sản phẩm được đầu tư rất nhiều tiền, nhưng lại thiếu các chứng chỉ vệ sinh an toàn thực phẩm, mà chi phí để cấp chỉ là rất nhỏ.

Ba là, "có khả năng truy xuất nguồn gốc". Đây là yếu tố mà người tiêu dùng ngày càng quan tâm. Theo quy định của pháp luật, trên bao bì của sản phẩm đã phải ghi rõ xuất xứ của sản phẩm hàng hóa. Do vậy, cần ghi rõ thông tin và nguồn gốc sản phẩm trên bao bì.

Nhóm giải pháp tập trung đầu tư phát triển một số sản phẩm đặc trưng

- Quảng Bình cần nâng cao chất lượng công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với quy hoạch phát triển, xây dựng nông



Các sản phẩm du lịch độc đáo của Quảng Bình được ngành du lịch tăng cường quảng bá, giới thiệu ở các hội nghị, hội chợ du lịch trong và ngoài nước

thôn mới; cần khuyến khích sự tham gia của người dân trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch. Trong xây dựng quy hoạch cần tính đến sự liên kết vùng, liên kết sản phẩm theo ngành hàng và theo vùng lãnh thổ; đồng thời, có sự phù hợp với quy hoạch chung của Tỉnh. Thực hiện Quy hoạch Phát triển sản xuất nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025; trên cơ sở đó xác định và xây dựng quy hoạch một số cây trồng vật nuôi chủ yếu gắn với quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa làm căn cứ để lập các dự án đầu tư và xây dựng kế hoạch sản xuất nông nghiệp 5 năm, hàng năm của các huyện.

- Xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch nông thôn. Đầu tư xây dựng mới các tuyến, điểm du lịch sinh thái gắn với tài nguyên thiên nhiên: Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng... Phục hồi và phát triển các làng nghề truyền thống, mây tre đan. Nghiên cứu, khai thác văn hóa ẩm thực các món ăn truyền thống độc đáo của địa phương đưa vào phục vụ du khách.

Nhóm giải pháp khai thác, quản lý, phát triển nhãn hiệu hàng hóa

Tỉnh Quảng Bình cần củng cố, kiện toàn các tổ chức sở hữu, quản lý nhãn hiệu. Với các nhãn hiệu

tập thể phải củng cố lại ban quản lý hợp tác xã, ban chấp hành các hội. Cần thiết lập các nhóm quản lý nhãn hiệu lấy ban kiểm soát hợp tác xã làm nòng cốt. Cần nghiên cứu, tham khảo thêm ý kiến của Cục Sở hữu trí tuệ để chuyển giao quyền quản lý nhãn hiệu tập thể từ hợp tác xã, hoặc Hội đồng không hiệu quả cho Ban quản lý các làng nghề. Đồng thời, xây dựng một số mô hình quản lý và phát triển nhãn hiệu. Không chỉ tổ chức các dự án, hoặc mô hình để xây dựng, bảo hộ nhãn hiệu, mà quan trọng hơn, cần nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý và phát triển nhãn hiệu đồng thời, hoặc ngay sau khi nhãn hiệu được bảo hộ.

Muốn biến đặc sản thành hàng hóa, không thể chỉ biết đầu tư cho sản xuất, mà phải biết xây dựng và bảo hộ nhãn hiệu, chăm chút về chất lượng mới có thể bảo vệ được danh tiếng của thương hiệu đặc sản vốn có. Trên cơ sở đó, phát triển thương hiệu lên một đẳng cấp mới. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Du lịch (2012). *Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*
2. UBND tỉnh Quảng Bình (2019). *Quyết định số 485/QĐ-UBND, ngày 12/04/2019 về phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2019-2023*
3. UBND tỉnh Quảng Bình (2020). *Quyết định số 38/QĐ-UBND, ngày 08/01/2020 về việc công nhận kết quả đánh giá, phân hạng cho 24 sản phẩm OCOP cấp tỉnh thuộc chương trình “Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình năm 2019”*
4. UBND tỉnh Quảng Bình (2017, 2018, 2019). *Báo cáo tổng kết hoạt động du lịch các năm, từ 2017 đến 2019*
5. Nguyễn Thành Vượng (2012). *Phát triển du lịch biển, đảo khu vực Bắc Trung Bộ, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Tiềm năng và hướng phát triển du lịch Bắc Trung Bộ*
6. Nguyễn Thị Minh Phượng và cộng sự (2020). *Nghiên cứu phát triển sản phẩm hàng hóa giá trị cao phục vụ du lịch tỉnh Quảng Bình, Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh*